

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 24/2024/HS-PT
Ngày 29-8-2024.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Phạm Mai Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử công khai phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo Nguyễn Hưng T, Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Hưng T** sinh ngày 22 tháng 12 năm 1977 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ dân phố HY, phường HH, E phố YB, tỉnh Yên Bái; nơi ở: Tổ dân phố HT, phường HH, E phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hưng D1 và bà Nguyễn Thị H1; vợ đã li hôn là Nguyễn Thị T1 và có 01 con chung sinh năm 2006, hiện đang chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn với Đinh Thị Như A và có 01 con chung sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 190/QĐ-XPHC ngày 25-10-2023 của Công an E phố YB, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác”.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/HSST ngày 20-3-1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2006/HSST ngày 18-12-2006 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-01-2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. **Phạm Văn L** sinh ngày 27 tháng 9 năm 1989 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn 6A, xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc N1 và bà Hà Thị H2; vợ là Nguyễn Thị N2 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2016/HSST ngày 30-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, phạt tiền 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc (Thi hành xong ngày 20-3-2024); tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

3. **Nguyễn Xuân D** sinh ngày 21 tháng 9 năm 1980 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn HQ xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị L1; vợ là Trần Thị L2 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 10-01-2023 của Công an E phố YB, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. bị bắt, tạm giữ từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

4. **Lê Ngọc E** sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ dân phố HT, phường HH, E phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc T2 và bà Hà Thị A1; vợ là Lương Thị Thanh H3 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Quyết định số 87/QĐ-XPHC ngày 22-4-2011 của Công an thành phố YB, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

- Tại Bản án số 191/2009/HS-ST ngày 16-7-2009 của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

5. **Trần Văn K** sinh ngày 05 tháng 10 năm 1972 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn 3A, xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Trần Văn B1 và bà Nguyễn Thị Y1 (Đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị T3 và có 02 con (Con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 57/QĐ-XPHC ngày 16-11-2009 của Công an huyện TY, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc; bị bắt, tạm giữ từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

6. **Nguyễn Minh N** sinh ngày 10 tháng 8 năm 1994 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn MT, xã Y Can, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Hà Thị H4; vợ là Nguyễn Thị D2 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

7. **Ngô Thị H** sinh ngày 22 tháng 4 năm 1989 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn 6B, xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H5 (Đã chết) và bà Hà Thị D4; chồng là Nguyễn Trung T5 (Đã chết) và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10-01-2024, Lê Ngọc E đến nơi ở của Nguyễn Hưng T cùng ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, T và E lên phòng khách ngồi uống nước, tại đây T gọi điện thoại rủ Trần Văn K, Nguyễn Xuân D và Nguyễn Minh N đến nhà T đánh bạc. Trần Văn K đồng ý rủ thêm Phạm Văn L và Ngô Thị H. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, khi mọi người đến thì Nguyễn Hưng T rủ lên tầng 3 nhà mình đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, gồm có Lê Ngọc E, Nguyễn Minh N, Nguyễn Xuân D, Trần Văn K, Phạm Văn L và Ngô Thị H. Tại đây, T lấy 01 chiếc chăn nhung màu nâu trải ra giữa phòng, sau đó lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ (có sẵn trong phòng), rồi T sử dụng 01 ống bằng kim loại và 01 chiếc búa đinh để làm 04 quân vị từ quân bài Tú lơ khơ làm công cụ để mọi người đánh bạc. Sau khi chuẩn bị xong, T thu của Nguyễn Minh N, Nguyễn Xuân D, Phạm Văn L và Ngô Thị H, mỗi người 200.000 đồng tiền phé (lệ phí đánh bạc). Khi đánh bạc, mọi người thống nhất để Nguyễn Hưng T là người trực tiếp cầm “cái”. Cách chơi là người đánh bạc đặt tiền theo hai cửa (kết quả) được gọi là “chẵn” và “lẻ”; người cầm cái đặt 04 quân vị lên đĩa sứ, dùng bát sứ úp lại và giữ trên hai tay để xóc bốn quân vị lấy kết quả. Sau mỗi lần xóc đĩa nếu có 2 quân vị ngựa mặt trắng và 2 quân vị ngựa mặt tối màu, hoặc 4 quân vị ngựa cùng một màu thì là “chẵn”; nếu 03 quân vị ngựa cùng một

màu, 1 quân vị còn lại có màu khác thì là “lẻ”. Người đặt tiền đúng theo cửa “chẵn” hoặc cửa “lẻ” sẽ thắng được số tiền bằng với số tiền đã đặt cược và được T trả tiền, còn thua sẽ mất số tiền đã đặt cược cho T. Mức đặt cược nhỏ nhất là 100.000đồng và không giới hạn mức đặt cược lớn nhất. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Yên Bái bắt quả tang Nguyễn Hưng T, Trần Văn K, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Minh N, Phạm Văn L, Lê Ngọc E và Ngô Thị H đang thực hiện hành vi đánh bạc tại tầng 3 nhà ở của Nguyễn Hưng T. Số tiền thu giữ tại chiều bạc là 2.600.000đồng; số tiền dùng vào việc đánh bạc được các bị cáo tự nguyện giao nộp là 26.800.000đồng. Tổng số là 29.400.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 11-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hưng T phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Minh N, Phạm Văn L, Lê Ngọc E và Ngô Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hưng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hưng T 02 (hai) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Hưng T chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11-01-2024. Tổng số tiền phạt bổ sung bị cáo là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc E 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ

(Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

2.7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu) nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14-6-2024 bị cáo Trần Văn K kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 18-6-2024 bị cáo Nguyễn Minh N kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.
- Ngày 18-6-2024 bị cáo Lê Ngọc E kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.
- Ngày 18-6-2024 bị cáo Phạm Văn L kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.
- Ngày 18-6-2024 bị cáo Ngô Thị H kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.
- Ngày 19-6-2024 bị cáo Nguyễn Hưng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 24-6-2024 bị cáo Nguyễn Xuân D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H nộp Biên lai nộp tiền phạt 10.000.000đồng và Biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng; các bị cáo Nguyễn Minh N, Ngô Thị H nộp Biên lai nộp tiền phạt 5.000.000đồng và Biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng. Bị cáo Nguyễn Minh N nộp tài liệu xác nhận có ông, bà nội ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã kết án. Các bị cáo Nguyễn Hưng T, Nguyễn Xuân D, Lê Ngọc E giữ nguyên toàn bộ kháng cáo; các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hưng T và Nguyễn Xuân D; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo hoặc xin cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn L và Nguyễn Xuân D; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn L; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N và Ngô Thị H. Đề nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 11-6-2024 của Tòa án nhân dân E phố YB, tỉnh Yên Bái theo hướng giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hưng T và Nguyễn Xuân D; giảm hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn L; giảm hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với các bị cáo Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hưng T, Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H đúng hình thức, trong hạn luật định; việc bổ sung kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm của các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H trong phạm vi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên đủ điều kiện để xem xét xét, giải quyết phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó đã đủ căn cứ kết luận:

Trong ngày 10-01-2024, tại nơi ở của bị cáo Nguyễn Hưng T thuộc tổ dân phố HT, phường HH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, các bị cáo Nguyễn Hưng T, Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N và Ngô Thị H đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 29.400.000đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo Nguyễn Hưng T, Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D, Lê

Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N và Ngô Thị H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là chính xác.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hưng T sử dụng nơi ở của mình để bản thân cùng những người khác đánh bạc với số tiền trên 20.000.000đồng, đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, như Bản án sơ thẩm kết án là đúng.

[3] Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của các bị cáo, đồng thời xem xét, áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo, cụ thể: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Xuân D, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn L có ông Nội là Liệt sỹ, được tặng thưởng nhiều Huân Chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo Long phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Với những căn cứ để quyết định hình phạt nêu trên thì mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với mỗi bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Trong giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H tự giác nộp tiền phạt và án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Minh N xuất trình thêm tài liệu có ông bà Nội và ông bà Ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng để xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo này.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hưng T, Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H, Hội đồng xét xử thấy tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Hưng T, Nguyễn Xuân D không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để giảm án. Đối với các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H.

[6] Xét kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Phạm Văn L đang có tiền án lại phạm tội; bị cáo Nguyễn Xuân D là người có tiền sự nên các bị cáo này được xác định là người có nhân thân xấu. Do đó, không đủ điều kiện để được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Đối với các bị cáo Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H đều không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly các bị cáo Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo hưởng án treo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hưng T và Nguyễn Xuân D; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo hoặc xin cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn L và Nguyễn Xuân D; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn L; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N và Ngô Thị H để sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 11-6-2024 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Việc sửa án sơ thẩm là do phát sinh tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hưng T, Nguyễn Xuân D không được chấp nhận, nên các bị cáo này phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hưng T, Nguyễn Xuân D; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Xuân D; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn L; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 11-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hưng T phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Minh N, Phạm Văn L, Lê Ngọc E và Ngô Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hưng T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hưng T 02 (Hai) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Hưng T chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 11-01-2024. Tổng số tiền phạt bổ sung bị cáo là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 11-01-2024 đến ngày 16-01-2024). Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc E 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn K 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thị H 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Giao bị cáo Lê Ngọc E cho Ủy ban nhân dân phường HH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái quản lý, giáo dục. Giao các bị cáo Trần Văn K và Ngô Thị H cho Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái quản lý, giáo dục. Giao bị cáo

Nguyễn Minh N cho Ủy ban nhân dân xã Y Can, huyện TY, tỉnh Yên Bái quản lý, giáo dục.

Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Nguyễn Hưng T, Nguyễn Xuân D mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Phạm Văn L, Lê Ngọc E, Trần Văn K, Nguyễn Minh N, Ngô Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDDKT1);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cq CSĐT- CATp Yên Bái;
- Cq THAHS-CATp Yên Bái;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Yên Bái;
- TAND Tp Yên Bái (10);
- VKSND Tp Yên Bái;
- Chi cục THADS Tp Yên Bái;
- Bị cáo (01 Trại TG, 06 tại ngoại);
- Lưu: HS(2), TA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng